



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 25

Ngày 15 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

07/04/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 885/QĐ-UBND về việc định giá cụ thể nước sạch sinh hoạt nông thôn đối với 02 công trình do Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường quản lý	3
08/04/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 891/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí, thẩm định, công nhận Khu du lịch Tà Xùa, tỉnh Sơn La.	7
09/04/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 900/QĐ-UBND về việc phê duyệt Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La	30
09/04/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 903/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.	34
13/04/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 919/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030”	41

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 885/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc định giá cụ thể nước sạch sinh hoạt nông thôn đối với
02 công trình do Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch; Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông báo số 1250/TB-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về khung giá nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 3 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 415/BC-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá cụ thể nước sạch sinh hoạt nông thôn đối với 02 công trình do Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường quản lý, vận hành như sau:

1. Tên hàng hóa, dịch vụ: Nước sạch sinh hoạt nông thôn.
2. Mô tả về hàng hóa, dịch vụ: Nước sạch sinh hoạt nông thôn do Trung tâm sản xuất, cung cấp dịch vụ.
3. Đơn vị tính: đồng/m³ nước sạch.
4. Giá cụ thể
 - a) Công trình Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt xã Chiềng Cọ + Chiềng Đen, TP Sơn La (*nay là phường Chiềng Cọ và phường Chiềng An*).

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (Hi)	Giá cụ thể (đồng)
		(M ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 1	Hộ dân cư	Mức dưới 10m ³ /đồng hồ/ tháng (≤10m ³)	SH1	0,8	7.600
		Từ trên 10m ³ /đồng hồ /tháng (> 10 ³)	SH2	1,0	9.500
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	HCSN	1,1	10.450
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	1,2	11.400
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân tiêu thụ cho mục đích kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	KD	1,5	14.250
Giá bán lẻ nước sạch bình quân (H1)			1		9.500

- b) Công trình cấp nước sinh hoạt cho xã Tà Xùa, Phiêng Ban và các vùng lân cận, huyện Bắc Yên (*nay là xã Tà Xùa, xã Bắc Yên*).

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Hệ số tính giá tối đa so với giá bình quân (Hi)	Giá cụ thể (đồng)
		(M ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 1	Hộ dân cư	Mức dưới 10m ³ /đồng hồ / tháng ($\leq 10\text{m}^3$)	SH1	0,8	5.520
		Từ trên 10m ³ /đồng hồ /tháng ($> 10^3$)	SH2	1,0	6.900
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	HCSN	1,1	7.590
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	1,2	8.280
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân tiêu thụ cho mục đích kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	KD	1,5	10.350
Giá bán lẻ nước sạch bình quân (H1)			1		6.900

(Mức giá quy định tại mục 4 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

5. Phạm vi điều chỉnh

Hoạt động bán lẻ nước sạch trong phạm vi vùng cấp nước sạch sinh hoạt 02 công trình tại mục 4 Điều này do Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường quản lý, vận hành.

6. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch do Trung tâm sản xuất, cung cấp; cơ quan quản lý nhà nước về nước sạch và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường

a) Tổ chức niêm yết công khai giá nước; vận hành công trình đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục; kiểm soát chất lượng nước và thực hiện công bố hợp quy theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT và Quy chuẩn địa phương QCDP 01:2023/SL hiện hành.

b) Lập phương án, dự toán kinh phí hỗ trợ hằng năm gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thẩm định.

c) Thực hiện tính hao mòn toàn bộ, không trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 73/2022/TT-BTC.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và số liệu cung cấp làm cơ sở thẩm định phương án giá.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình khai thác, quản lý tài sản và việc chấp hành mức giá tiêu thụ nước sạch tại 02 công trình theo quy định.

3. Các sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế; Công an tỉnh: Thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo chức năng, thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 và bãi bỏ mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt quy định đối với Công trình nước sinh hoạt Chiềng Cọ tại Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tạm thời tại 16 công trình nước sạch nông thôn.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các phường: Chiềng Cơi, Chiềng An; Chủ tịch UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên; Giám đốc Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 891/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí, thẩm định, công nhận Khu du lịch Tà Xùa, tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-BVHTT&DL ngày 26 tháng 5 năm 2024 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về Ban hành Kế hoạch tổng thể tổ chức điều tra tài nguyên du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển Du lịch giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Sơn La đến năm 2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 94/TTr-SVHTT&DL ngày 23 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát, đánh giá, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí, thẩm định, công nhận Khu du lịch Tà Xùa, tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Rà soát, đánh giá, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí,
thẩm định, công nhận Khu du lịch Tà Xùa, tỉnh Sơn La**
(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/4/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Kết luận 188-KL/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ về các Đề án trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Quy hoạch chung Khu du lịch Tà Xùa và các vùng phụ cận;

- Thống nhất công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác rà soát, đánh giá, và thẩm định về các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch Tà Xùa, tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Du lịch và Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Xác định nhiệm vụ trọng tâm, phân công rõ nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng trong công tác phối hợp tham mưu triển khai thực hiện công tác rà soát, đánh giá, và thẩm định về các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Rà soát, hoàn thiện tiêu chí, lập hồ sơ, tổ chức công bố công nhận Khu du lịch cấp tỉnh Tà Xùa, tỉnh Sơn La theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành và UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch đảm bảo thời gian, tiến độ và yêu cầu đề ra;

- Phối hợp kiểm tra giám sát đảm bảo các nội dung của kế hoạch được triển khai tiết kiệm, hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước

1.1. Nội dung

- Nâng cao chất lượng công tác tham mưu quản lý nhà nước, kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển du lịch, triển khai đồng bộ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định, cơ chế chính sách của Nhà nước về du lịch đến các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của phát triển du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức đầy đủ ngành du lịch là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, ngành kinh tế mũi nhọn cần đảm bảo môi trường du lịch thân thiện, lành mạnh và văn minh;

- Tập trung nghiên cứu triển khai thực hiện các chính sách, cơ chế ưu đãi đầu tư du lịch, hỗ trợ phát triển du lịch đặc biệt là các cơ chế chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, vốn ... để thu hút các dự án đầu tư bền vững và thân thiện với môi trường; dự án phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong công tác xây dựng môi trường du lịch thân thiện, xây dựng nếp sống văn minh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm trên địa bàn;

- Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng nắm bắt và thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch và các Luật khác có liên quan;

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng; tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng gắn với các yêu cầu về phát triển du lịch; quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông; hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phù hợp với các quy hoạch và định hướng tổ chức không gian đã được phê duyệt;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, quản lý và bảo vệ tài nguyên du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường, an toàn thực phẩm cho du khách trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; rà soát, kiểm tra và giám sát chất lượng dịch vụ và quản lý điểm đến trên địa bàn các xã đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý các hành vi làm tổn hại đến tài nguyên, môi trường và hình ảnh điểm đến;

- Nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát huy các giá trị tài nguyên du lịch của địa phương từ đó đề xuất, nghiên cứu các giải pháp phù hợp nhằm định hướng và phát triển hệ thống sản phẩm du lịch trên địa bàn gắn với nhu cầu phát triển du lịch bền vững.

1.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: thường xuyên.

- Địa điểm: các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng, tỉnh Sơn La.

1.3. Thực hiện

Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Tài chính; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học công nghệ; Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch tỉnh; Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh; Công an tỉnh; Hiệp hội Du lịch tỉnh; UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

2. Triển khai các nhiệm vụ phát triển du lịch xã Tà Xùa

2.1. Nội dung

- Tổ chức khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch văn hoá từ đó định hướng cho địa phương lựa chọn có trọng tâm trọng điểm xây dựng phát triển các sản phẩm du lịch hấp dẫn, riêng có;

- Tiếp tục triển khai các quy hoạch, dự án, đề án phát triển du lịch Tà Xùa đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc góp phần phấn đấu đưa ngành du lịch tỉnh Sơn La sớm hoàn thành mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Tiếp tục triển khai thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, tăng cường quản lý quy hoạch đối với các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng;

- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển du lịch Tà Xùa giai đoạn 2026 - 2030; Tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu để xây dựng và phát triển hạ tầng du lịch phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn. Ưu tiên đầu tư ngân sách cho các dự án đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch trên địa bàn các xã;

- Chú trọng xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch gắn liền với tiềm năng lợi thế, bảo tồn và phát huy bản sắc các dân tộc đáp ứng nhu cầu khám phá, trải nghiệm của du khách. Đặc biệt là nghiên cứu, khảo sát lựa chọn các bản có tiềm năng lợi thế về cảnh quan, kiến trúc truyền thống, văn hóa bản địa... để xây dựng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng;

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư; cung cấp các dịch vụ, thông tin đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược để phát triển du lịch trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng theo định hướng xanh, nhanh và bền vững; tạo việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển du lịch đặc biệt là ứng dụng chuyển đổi số triển khai xây dựng và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh;

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá về tài nguyên, tiềm năng, lợi thế du lịch Tà Xùa đa dạng về hình thức, phong phú và chất lượng về nội dung;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực đảm bảo số lượng, chất lượng và cân đối về cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo đáp

ứng nhu cầu phát triển du lịch của các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: thường xuyên
- Địa điểm: các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng, tỉnh Sơn La

2.3. Thực hiện

Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng.

3. Triển khai các nhiệm vụ công nhận Khu du lịch cấp tỉnh Tà Xùa, tỉnh Sơn La

3.1. Tổ chức khảo sát thực địa, rà soát tài nguyên du lịch, kiểm tra, đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh

3.1.1. Nội dung

- Tổ chức đoàn công tác khảo sát, đánh giá các tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa có tiềm năng nhằm định hướng xây dựng thành sản phẩm du lịch trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng;

- Rà soát, đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận khu du lịch cấp tỉnh nhằm xác định rõ các điều kiện đã đạt, chưa đạt; các tiêu chí còn thiếu, còn yếu nhằm xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; UBND các xã trong công tác hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí đảm bảo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch trên địa bàn các xã đặc biệt là tổ chức, cá nhân quản lý các điểm đến có tiềm năng nắm bắt và thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch và các văn bản liên quan; hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, có giải pháp tháo gỡ để đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3.1.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Quý II năm 2026.
- Địa điểm: các cơ sở kinh doanh dịch vụ, điểm đến trên địa bàn các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng, tỉnh Sơn La.

3.1.3. Thành phần

- Đại diện lãnh đạo các sở, ngành; phòng ban chuyên môn thuộc các Sở, ngành và đơn vị có liên quan...

- Lãnh đạo UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng và phòng ban chuyên môn liên quan. Tổ chức, cá nhân quản lý các điểm đến tiềm năng, các cơ sở kinh doanh các dịch vụ du lịch tiêu biểu trên địa bàn cơ sở...

3.1.4. Thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đơn vị phối hợp: Các sở Xây dựng, Tài chính; Y tế, Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học công nghệ; Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và Du lịch tỉnh; Công an tỉnh; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Báo và phát thanh truyền hình tỉnh; UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng.

3.2. Tổ chức hội nghị đánh giá kết quả khảo sát thực địa, rà soát tài nguyên du lịch, kiểm tra, đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh

3.2.1. Nội dung: (1) Đánh giá kết quả khảo sát thực địa, rà soát tài nguyên du lịch; (2) đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh đối với Tà Xùa và các vùng phụ cận; (3) Đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh; (4) Đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu và yếu.

3.2.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: trong quý II năm 2026.

- Địa điểm: UBND xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La.

3.2.3. Thành phần

- Lãnh đạo UBND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh (lãnh đạo Văn phòng; lãnh đạo, chuyên viên phòng Khoa giáo Văn xã); đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, phòng ban chuyên môn liên quan...

- Lãnh đạo UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng và phòng ban chuyên môn liên quan. Tổ chức, cá nhân quản lý các điểm đến tiềm năng...

3.2.4. Thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng.

- Đơn vị phối hợp: Các sở: Xây dựng, Tài chính; Y tế, Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và Du lịch tỉnh; Hiệp hội du lịch tỉnh; Báo và phát thanh truyền hình tỉnh.

3.3. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ hoàn thiện các tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh

3.3.1. Nội dung:

(1) Tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí các điều kiện còn thiếu, chưa đạt;

(2) Tổ chức triển khai thực hiện nâng cao chất lượng các điều kiện đạt mức độ trung bình;

(3) Tổ chức triển khai nâng cao chất lượng các điều kiện đạt mức yếu;

(4) Hướng dẫn, hỗ trợ các các điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch hoàn thiện về thủ tục hồ sơ, giấy phép và các điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch theo quy định của Luật Du lịch và các luật khác có liên quan.

3.3.2. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: năm 2026 - 2027.

- Địa điểm: các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng, tỉnh Sơn La.

3.3.3. Thực hiện

- Đơn vị chủ trì: UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan; tổ chức, đơn vị quản lý các điểm đến có tiềm năng; các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn.

3.4. Lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch, tổ chức thẩm định các điều kiện, tiêu chí và công nhận khu du lịch cấp tỉnh

3.4.1. Tổ chức xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh

- Nội dung: (1) Phối hợp với sở, ngành và các đơn vị có liên quan thu thập số liệu, hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, dự thảo thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh; (2) Xây dựng hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Sơn La công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của Luật Du lịch và Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; (3) Tổ chức lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo quy trình.

- Thời gian: Quý I năm 2028.

- Thực hiện

+ Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Đơn vị phối hợp: UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; các sở, ngành và các đơn vị có liên quan.

3.4.2. Tổ chức thẩm định các điều kiện, tiêu chí và công nhận khu du lịch cấp tỉnh

- Nội dung: (1) Thành lập tổ khảo sát, thẩm định liên ngành đánh giá điều kiện công nhận khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La; theo quy định; (2) Thành lập Tổ thẩm định cơ sở lưu trú du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định; (3) Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch Tà Xùa; (4) Tổ chức khảo sát đánh giá và thẩm định các điều kiện, tiêu chí Khu du lịch cấp tỉnh trên thực địa; (5) Tổ chức họp, tổng kết nhất kết quả thẩm định hồ sơ và điều kiện công nhận Khu du lịch Tà Xùa (6) Hoàn thiện quy trình và hồ sơ thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của Luật Du lịch.

- Thời gian: Quý II năm 2028.

- Thực hiện

+ Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành; UBND xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng và các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn các xã.

3.5. Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch

3.5.1. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch

- *Nội dung:* (1) Tổ chức các đợt tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch Tà Xùa trên các phương tiện thông tin đại chúng; (2) Nghiên cứu đề xuất, tổ chức triển khai các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch tiêu biểu của xã Tà Xùa; các hoạt động xúc tiến điểm đến, quảng bá thương hiệu "Thiên đường mây Tà Xùa" đến với du khách trong nước và quốc tế.

- Thời gian: Quý III năm 2028.

- Thực hiện:

+ Đơn vị chủ trì: UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng;

+ Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan.

3.5.2. Tổ chức Công bố quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh

- *Nội dung:* Tổ chức công bố Quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh của UBND tỉnh nhằm truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Khu du lịch trên các phương tiện truyền thông đại chúng trong toàn quốc.

- Thời gian: Quý III năm 2028.

- Địa điểm: xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La.

- Thực hiện

+ Đơn vị chủ trì: UBND xã Tà Xùa;

+ Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành và UBND xã Bắc Yên và Xím Vàng các đơn vị có liên quan.

III. KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành *(đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2026, các sở, ban, ngành, UBND các xã chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2026 để triển khai thực hiện)*.

- Trường hợp có phát sinh dự toán kinh phí theo nhiệm vụ được giao, đề nghị các đơn vị lập dự toán gửi Sở Tài chính rà soát trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Nguồn Kinh phí đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật *(nếu có)*.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành, đơn vị; UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ và hiệu quả;

- Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ từ các sở ngành, đơn vị; UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng theo hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm và báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc trình UBND tỉnh ban hành;

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất nguồn kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ theo đúng tiến độ đề ra;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng tổ chức rà soát, đánh giá tài nguyên du lịch; kiểm tra, đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh, xây dựng hồ sơ và tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của Luật Du lịch; tổ chức Công bố quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan;

2. Sở Tài chính

- Theo chức năng nhiệm vụ, căn cứ khả năng cân đối nguồn lực tham mưu đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ tại kế hoạch này;

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm và báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành.

3. Các sở, ngành, đơn vị chủ trì và phối hợp

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ và hiệu quả;

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm và báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành;

- Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

4. UBND các xã Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng

- Phối hợp các sở, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ và hiệu quả;

- Xây dựng, ban hành kế hoạch của UBND xã triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh; chủ động rà soát, thống kê và đánh giá sơ bộ tài nguyên du lịch; các điểm đến tiềm năng; các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn; báo cáo kết quả thống kê, rà soát và đề xuất điểm đến tiềm năng gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định;

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất nguồn kinh phí và vận động tuyên truyền, khuyến khích các đơn vị, tổ chức quản lý các điểm đến tiềm năng triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hoàn thiện các điều kiện tiêu chí còn thiếu, nâng cao chất lượng các tiêu chí còn yếu và ở mức độ trung bình;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và các tổ chức quản lý các điểm đến tiềm năng tổ chức rà soát, đánh giá tài nguyên du lịch; kiểm tra, đánh giá các điều kiện, tiêu chí công nhận Khu du lịch cấp tỉnh, xây dựng hồ sơ và tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của Luật Du lịch; tổ chức Công bố quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh sau khi được UBND tỉnh ban hành;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch nhằm tăng cường cơ hội thu hút đầu tư, phát triển du lịch Tà Xùa đảm bảo phù hợp với các định hướng, quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì triển khai các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch tiêu biểu của xã nhằm tuyên truyền quảng bá hình ảnh, thương hiệu điểm đến của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế;

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm và báo cáo sơ kết, tổng kết giai đoạn và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan./.

BIỂU NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM*(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định, cơ chế chính sách của Nhà nước về du lịch đến các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Thường xuyên	Sở VH TT & DL UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan.
2	Hướng dẫn các đơn vị, các tổ chức, các doanh nghiệp và các cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn xã Tà Xùa thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch và các Luật khác có liên quan	Thường xuyên	Sở VH TT & DL UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan.
3	Triển khai thực hiện các chính sách, cơ chế ưu đãi đầu tư du lịch, hỗ trợ phát triển du lịch	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan.
4	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, quản lý và bảo vệ tài nguyên du lịch, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường, an toàn thực phẩm cho du khách trên địa bàn xã Tà Xùa; rà soát, kiểm tra và kiểm soát chất lượng dịch vụ và quản lý điểm đến trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng Các sở, ngành	Các tổ chức, cá nhân và các đơn vị có liên quan.
5	Tổ chức hội nghị đối thoại doanh nghiệp du lịch trên địa bàn UBND xã nhằm nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát huy các giá trị tài nguyên du lịch của địa phương từ đó đề xuất, nghiên cứu các giải pháp phù hợp	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
II	NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH XÃ TÀ XÙA			
1	Khảo sát, đánh giá tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch văn hoá			
	Tổ chức đoàn khảo sát đánh giá tài nguyên du lịch trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Quý II/2026	Sở VH TT&DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
	Tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát đánh giá tài nguyên du lịch trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Quý II/2026	Sở VH TT&DL	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
2	Triển khai thực hiện các quy hoạch, dự án, đề án phát triển du lịch xã Tà Xùa đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc			
	Triển khai thực hiện Quy hoạch du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án, Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 – 2030	Thường xuyên	Sở VH TT&DL	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
	Triển khai thực hiện Quy hoạch chung Khu du lịch Tà Xùa và các vùng phụ cận, khu trung tâm xã Tà Xùa; các dự án,	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
3	Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển du lịch Tà Xùa giai đoạn 2026-2030			
	Tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư, chính sách,	Thường	Trung tâm xúc tiến đầu tư	Các sở, ngành,

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư; cung cấp các dịch vụ, thông tin đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược để phát triển du lịch trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng theo định hướng xanh, nhanh và bền vững	xuyên	thương mại và du lịch tỉnh	đơn vị có liên quan
	Xây dựng và nâng cấp hạ tầng viễn thông tại các điểm trọng tâm trên địa bàn các xã;	2026-2028	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND xã Tà Xùa
4	Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch xã Tà Xùa			
	Khảo sát thực địa đánh giá tiềm năng phát triển điểm du lịch; bán du lịch cộng đồng trên địa bàn các xã	2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Xây dựng kế hoạch và hoàn thiện các điều kiện, tiêu chí đề nghị công nhận một số điểm du lịch trên địa bàn các xã	2026-2027	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Xây dựng và phát triển bán du lịch cộng đồng trên địa bàn	2028	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Tổ chức phục dựng các lễ hội, nghề truyền thống, đội văn nghệ bản địa... nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc gắn với phục vụ khách du lịch tại khu du lịch, điểm du lịch...	Hàng năm	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Tổ chức thẩm định công nhận các điểm du lịch trên địa bàn các xã	Theo hồ sơ đề nghị	Sở VH TT & DL	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND xã Tà Xùa
5	Triển khai thực hiện ứng dụng du lịch thông minh trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; Sở VH TT & DL	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
6	Tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá về tài nguyên, tiềm năng, lợi thế du lịch Tà Xùa			
	Tổ chức xúc tiến du lịch, mời gọi các hãng lữ hành, doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, khảo sát tìm hiểu các sản phẩm, dịch vụ du lịch của Khu du lịch Tà Xùa	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
	Xây dựng và cung cấp các ấn phẩm, sản phẩm xúc tiến đầu tư, du lịch đa dạng về hình thức, phong phú và chất lượng về nội dung để nhằm quảng bá tiềm năng lợi thế của Khu du lịch Tà Xùa	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Xây dựng và phát hành các chuyên mục, chuyên đề quảng bá giới thiệu về du lịch Tà Xùa	Thường xuyên	Báo và phát thanh truyền hình tỉnh UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
7	Phát triển nguồn lực du lịch			
	Tổ chức triển khai các lớp tập huấn kỹ năng nghề du lịch cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng; Sở VHNT & DL; Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan
	Tổ chức các chương trình học tập kinh nghiệm quản lý, phát triển sản phẩm du lịch	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
III	TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ HOÀN THIỆN CÁC TIÊU CHÍ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU DU LỊCH CẤP TỈNH TÀ XÙA (Theo quy định tại Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch)			
Điều kiện 1: Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.				
1	Tiêu chí 1: Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh			
	Khảo sát đánh giá tài nguyên du lịch trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Quý II/2026	Sở VH TT & DL UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
	Tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát đánh giá tài nguyên du lịch trên địa bàn các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Quý II/2026	Sở VH TT & DL	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
	Hội nghị đánh giá kết quả khảo sát thực địa, rà soát tài nguyên du lịch	Tháng II/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
2	Tiêu chí 2: Có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.			Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
	Tổ chức Khảo sát đánh giá xác định quy mô, diện tích, ranh giới Khu du lịch Tà Xùa	Quý III/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	Lập bản đồ địa hình xác định rõ ranh giới của Khu du lịch			
Điều kiện 2: Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch				
3	<i>Tiêu chí 3:</i> Có hệ thống điện lưới - Rà soát, báo cáo hệ thống điện lưới Khu du lịch Tà Xùa làm căn cứ xây dựng Báo cáo thuyết minh Khu du lịch	Năm 2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan;
4	<i>Tiêu chí 4:</i> Có hệ thống cung cấp nước sạch - Rà soát, báo cáo hệ thống cung cấp nước sạch Khu du lịch Tà Xùa; xác định nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện tiêu chí (nếu chưa đạt)	Năm 2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan;
5	<i>Tiêu chí 5:</i> Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm			
	Rà soát, thống kê cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm trên địa bàn xã (trong đó xác định rõ cơ sở đã đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn để làm cơ sở hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thiện đối với cơ sở chưa đạt chuẩn)	Quý III/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm chưa đạt chuẩn hoàn thiện điều kiện, thủ tục hồ sơ, đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn	Thường xuyên	Sở VH TT & DL: UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan;
	Thẩm định, công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Thường xuyên	Sở VH TT & DL	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
6	<i>Tiêu chí 6:</i> Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm			
	Rà soát, thống kê cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn <i>(trong đó xác định rõ cơ sở đã đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn để làm cơ sở hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thiện đối với cơ sở chưa đạt chuẩn)</i>	Quý III/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú chưa đạt chuẩn hoàn thiện điều kiện, thủ tục hồ sơ, đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn.	Thường xuyên	Sở VH TT & DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
	Thẩm định, công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú đạt chuẩn phục vụ khách du lịch.	Thường xuyên	Sở VH TT & DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
7	<i>Tiêu chí 7:</i> Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan			
	Rà soát, đánh giá, thống kê hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh du lịch; biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;	Hàng năm	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng xã Tà Xùa	Các điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Lắp đặt bổ sung hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh; biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan còn thiếu; sửa chữa, thay thế các biển bảng đã hư hỏng cũ nát; bố trí lại các địa điểm lắp đặt biển bảng đảm bảo thuận lợi và mỹ quan.			
8	<i>Tiêu chí 8:</i> Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch			

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	Rà soát, thống kê điểm tham quan du lịch, cơ sở du lịch cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn viên du lịch; thống kê số lượng hướng dẫn viên du lịch hiện có (trong đó rõ số lượng hướng dẫn viên đã được cấp thẻ và chưa được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch)	Quý III/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở VH TT&DL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Vận động, hướng dẫn các điểm du lịch, doanh nghiệp, Hợp tác xã du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch cung cấp dịch vụ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch; Thành lập Câu lạc bộ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch	Thường xuyên	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở VH TT&DL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu	Hàng năm	Sở VH TT&DL UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Trung tâm XTĐT TMDL; Hiệp hội Du lịch tỉnh; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
	Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thuyết minh và hướng dẫn du lịch hoàn thiện hồ sơ, tiêu chuẩn đảm bảo đủ điều kiện cấp thẻ HDV theo quy định của Luật Du lịch; Thẩm định, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch đối với các hồ sơ đề nghị cấp thẻ	Thường xuyên	Sở VH TT&DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Hiệp hội Du lịch tỉnh
Điều kiện 3: Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.				
9	Tiêu chí 9: Kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia			
	Rà soát các trục/tuyến đường, đánh giá thực trạng để có cơ sở đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đến các khu, điểm du lịch được thuận lợi	Quý II/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	Xây dựng Báo cáo đánh giá kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia để làm cơ sở cho việc xây dựng báo cáo thuyết minh Khu du lịch Tà Xùa	- Lần 1: 5/2026 - Lần 2: Quý IV/2027	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở Xây dựng
10	<i>Tiêu chí 10:</i> Kết nối với hệ thống hạ tầng viễn thông quốc gia			
	- Khảo sát, đánh giá, có giải pháp đảm bảo hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu phủ sóng, chất lượng đường truyền, kết nối thông tin trong khu du lịch	- Lần 1: 5/2026 - Lần 2: Quý IV/2027	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
	Xây dựng Báo cáo đánh giá kết nối với hệ thống hạ tầng viễn thông quốc gia để làm cơ sở cho việc xây dựng báo cáo thuyết minh Khu du lịch	Tháng 5/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;
11	<i>Tiêu chí 11:</i> Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn Thành lập Đội bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn của Khu du lịch Tà Xùa/Tổ bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn của từng điểm tham quan du lịch/doanh nghiệp, hợp tác xã du lịch	Quý IV/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
12	<i>Tiêu chí 12:</i> Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý Khu du lịch; - Nghiên cứu thành lập Tổ chức quản lý Khu du lịch (Ban quản lý/Tổ quản lý). - Thiết lập và công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch.	Quý IV/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
13	<i>Tiêu chí 13:</i> Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch	Quý IV/2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
	- Thành lập bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; công bố, niêm yết đường dây nóng và các hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch	Năm 2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở VH,TT&DL
14	<i>Tiêu chí 14:</i> Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm	Hàng năm	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
	- Vận động khuyến khích các cơ sở kinh doanh du lịch đầu tư nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh công cộng tuân theo các quy chuẩn và trang bị tối thiểu các thiết bị vệ sinh; đảm bảo thông gió, đủ ánh sáng, cấp nước 24/24 và thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.	Quý I/2028		
15	<i>Tiêu chí 15:</i> Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường			
	- Rà soát, đánh giá hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải tập trung; đầu	Năm	UBND các xã: Tà Xùa,	Sở Nông nghiệp và Môi

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
16	tu, nâng cấp đảm bảo hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	2026 - 2027	Bắc Yên và Xím Vàng	trường; Công ty môi trường đô thị tỉnh Sơn La; Các sở, ngành liên quan; Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
	- Bỏ trí đầy đủ nhân lực và trang thiết bị thu gom rác thải để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường cho khu du lịch.	Năm 2026 - 2028	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công ty môi trường đô thị tỉnh Sơn La; Các sở, ngành liên quan; Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
	<i>Tiêu chí 16: Áp dụng các biện pháp phòng chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật</i>			
	- Rà soát, đánh giá hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các điểm tham quan du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;	Năm 2026	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Công an tỉnh; các điểm thăm quan du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn
	- Chỉ đạo, hướng dẫn, yêu cầu các điểm thăm quan du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch hoàn thiện, đảm bảo các điều kiện về phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật. - Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy.	Năm 2026 - 2027	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Công an tỉnh; các điểm thăm quan du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
IV	LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH CÁC ĐIỀU KIỆN TIÊU CHÍ VÀ CÔNG NHẬN KHU DU LỊCH CẤP TỈNH			
1	Xây dựng Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Bản thuyết minh bằng văn bản và Clip tóm tắt).	Quý I/2028	Sở VH TT&DL	Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan
2	Thu thập hồ sơ, tài liệu kiểm chứng (gồm tất cả hồ sơ, tài liệu chứng minh các điều kiện, tiêu chí Khu du lịch cấp tỉnh)	Quý I/2028	Sở VH TT&DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan
3	Tổ chức Hội nghị, Hội thảo xin ý kiến vào Bản thuyết minh về điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh và hồ sơ, tài liệu kiểm chứng kèm theo.	Quý II/2028	Sở VH TT&DL; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan
4	Thành lập Hội đồng thẩm định; Tổ chức khảo sát, đánh giá, thẩm định các điều kiện, tiêu chí Khu du lịch; Tổ chức họp, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Khu du lịch Tà Xùa	Quý I năm 2028	Sở VH TT&DL	Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
5	Hoàn thiện hồ sơ, trình ban hành quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của Luật Du lịch	Quý II năm 2028	Sở VH TT&D; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan; UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng
V	TỔ CHỨC CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KHU DU LỊCH CẤP TỈNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ XÚC TIẾN DU LỊCH			
1	Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch			

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
-	Tổ chức các đợt tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch Tà Xùa đến đông đảo người dân, du khách trong nước và quốc tế.	Quý III/2028	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở VH,TT&DL; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan
-	Tổ chức triển khai các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch tiêu biểu các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng quảng bá hình ảnh mảnh đất, con người, văn hóa, thương hiệu "Thiên đường mây"	Hàng năm	UBND các xã: Tà Xùa, Bắc Yên và Xím Vàng	Sở VH,TT&DL; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan
2	Tổ chức Công bố quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh			
	Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn và Công bố Quyết định công nhận Khu du lịch Tà Xùa (<i>xây dựng Kế hoạch, Chương trình, kịch bản riêng</i>).	Quý III/2028	UBND xã Tà Xùa	Sở VH,TT&DL; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan; UBND các xã: Bắc Yên và Xím Vàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 900/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh sách cơ sở sử dụng
năng lượng trọng điểm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 100/TTr-SCT ngày 27 tháng 3 năm 2026 và Báo cáo số 204/BC-SCT ngày 07 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức quản lý hoạt động sử dụng năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật lập Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt gửi Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở thực hiện quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Danh sách tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 33, Điều 34, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 30/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm, và 05 năm của đơn vị theo Điều 5 Nghị định số 30/2026/NĐ-CP, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định gửi về UBND tỉnh qua Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 3 hàng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương.

c) Có trách nhiệm bố trí, đào tạo người quản lý năng lượng của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; các Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Tổng các dạng năng lượng quy đổi (TOE/ năm)
1	Nhà máy Gạch Tuynel Phù Yên (Công ty cổ phần Thành An Sơn La)	Bản Chải, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu, xây dựng từ đất sét	2.796
2	Nhà máy Gạch Tuynel Sơn Hưng Trung	Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu, xây dựng từ đất sét	2.234
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh (bệnh viện 550 giường)	Tổ 17, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Y Tế	Chăm sóc sức khỏe	4.279
4	Nhà máy Gạch Tuynel Mộc Châu (Công ty cổ phần vật liệu xây dựng 1 Sơn La)	Phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu, xây dựng từ đất sét	1.875
5	Công ty cổ phần Xi măng Mai Sơn	Xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất xi măng	38.787
6	Nhà máy Thủy điện Sơn La	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất điện	5.766
7	Nhà máy Gạch Tuynel Quyết Tiến Sông Mã	Tổ dân phố 6, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu, xây dựng từ đất sét	1.033
8	Công ty cổ phần Xe khách Sơn La	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Vận tải	Vận chuyển hành khách	3.127
9	Công ty cổ phần Vận tải hành khách 2 - 9	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	Vận tải	Vận chuyển hành khách	1.099
10	Công ty cổ phần Mía Đường Sơn La	Xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất đường	3.171

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực	Ngành nghề	Tổng các dạng năng lượng quy đổi (TOE/ năm)
11	Công ty Cổ phần chè Cờ đỏ Mộc Châu	Tổ dân phố Cờ Đỏ, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất, chế biến chè	22.180
12	Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu	Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất, chế biến sữa	10.092
13	Công ty Chè Việt Nam - Vinatea Mộc Châu	Tổ dân phố Chè đen 1, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất, chế biến chè	45.487
14	Công ty cổ phần Gạch Mai Sơn	Bản Bon, Xã Chiềng Mung - tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	4682
15	Công ty Cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	Khu công nghiệp bản Tiến Xa, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La	Công nghiệp	Chế biến nông sản	2.453
16	Công ty TNHH ANT - Chi nhánh Sơn La	Bản Nà An, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La	Nông nghiệp	Chăn nuôi lợn	1.721

Ghi chú:

Tổng số cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2025 trên toàn tỉnh là: 16 cơ sở

Trong đó: 12 cơ sở lĩnh vực công nghiệp, 02 cơ sở lĩnh vực vận tải; 01 cơ sở lĩnh vực nông nghiệp, 01 cơ sở lĩnh vực Y tế.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 903/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng,
khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 336/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn; trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 179/TTr-SXD ngày 25 tháng 3 năm 2026; và kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 214/BC-VPUB ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác,
bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 903/QĐ-UBND
ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La giữa Cơ quan quản lý đường bộ; UBND các xã, phường (*sau đây gọi tắt là UBND cấp xã*); các Sở, ngành và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (*KCHTĐB*) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, làm rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; ý thức chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm quy định quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn tỉnh.

2. Giải quyết kịp thời các vướng mắc, bất cập, khó khăn phát sinh về xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, khách quan, không trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả, đúng thẩm quyền, giảm thủ tục hành chính xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB.

2. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp (*nếu có*) được trao đổi, xem xét, giải quyết theo đúng quy định. Đối với những vấn đề chưa thống nhất hoặc vượt quá thẩm quyền thì Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Xây dựng kế hoạch, thành lập tổ kiểm tra, đoàn kiểm tra liên ngành xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn tỉnh.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp, hội nghị, hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB.
3. Thống kê, báo cáo kết quả công tác xử lý vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn tỉnh.
4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, cá nhân các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB và tập trung một số nội dung chính sau:

- a) Các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 7 Luật Đường bộ năm 2024.
- b) Các quy định về phân đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ và hành lang an toàn đường bộ (*HLATĐB*) quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Đường bộ được hướng dẫn bởi Điều 10, Điều 11 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.
- c) Các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 và Điều 9; thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Vận động các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHTĐB tự giác tháo dỡ các công trình vi phạm, khôi phục nguyên trạng để đảm bảo an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 6. Công tác bảo vệ KCHTĐB và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Công tác bảo vệ KCHTĐB quy định tại Điều 21 Luật Đường bộ năm 2024; Điều 20 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phối hợp trong công tác xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 336/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ KCHTĐB các tuyến quốc lộ, đường tỉnh được giao quản lý theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Chỉ đạo Ban Quản lý bảo trì đường bộ, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ thực hiện công tác tuần đường, tuần kiểm theo quy định. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, HLATĐB trên các tuyến đường được giao quản lý; phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTĐB; lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền và đề nghị chính quyền địa phương xử lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Chỉ đạo thực hiện công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy định về quản lý và bảo vệ KCHTĐB. Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND cấp xã tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về quy hoạch và trật tự xây dựng trên HLATĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp thực hiện nghiêm các quy định về kiểm tra, xử lý vi phạm về KCHTĐB theo thẩm quyền. Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý đường bộ trong việc giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với UBND cấp xã hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất trong HLATĐB theo quy định của Luật Đất đai và các quy định về quản lý và bảo vệ KCHTĐB, đảm bảo sự đồng bộ trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông với quản lý, sử dụng đất, kết cấu hạ tầng của địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, bảo trì KCHTĐB và thực hiện giải tỏa HLATĐB, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHTĐB và giải tỏa HLATĐB theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo chức năng quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTĐB. Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền do ngành quản lý liên quan đến công trình đường bộ bảo đảm theo quy định, phối hợp thực hiện công tác giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHTĐB. Vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, tự giác tháo dỡ các công trình vi phạm, khôi phục nguyên trạng để đảm bảo an toàn giao thông theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 72/2025/TT-BXD. Tổ chức ký cam kết không vi phạm phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, HLATĐB đối với tổ chức, cá nhân dọc các tuyến đường trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 165/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 23 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; chủ động kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, HLATĐB; Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm theo quy định khi để xảy ra việc lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, HLATĐB tại địa phương mà không có biện pháp phối hợp, xử lý vi phạm kịp thời.

3. Tiếp nhận thông tin, biên bản, hồ sơ vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ và kịp thời thực hiện xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định đối với các trường hợp vi phạm do cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ chuyển đến theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 72/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

4. Tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi các tổ chức, cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025.

5. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

6. Huy động, bố trí lực lượng tham gia cưỡng chế, giải tỏa vi phạm về bảo vệ KCHTĐB trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

7. Hàng năm xây dựng và ban hành kế hoạch giải tỏa, lập lại trật tự HLATĐB trên địa bàn đảm bảo theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai trong cơ quan, đơn vị mình, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện cũng như giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) báo cáo kết quả với UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng để tổng hợp*).

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế này và báo cáo UBND tỉnh (*hàng năm trước ngày 31 tháng 12*) theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy chế được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 919/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phổ biến giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Kết luận số 80- KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân;

Căn cứ Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Căn cứ Kế hoạch số 342-KH/TU ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 76/TTr-STP ngày 26 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030” (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đúng thời gian, tiến độ và nội dung đã xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**“Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2026 - 2030”**

(Kèm theo Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới cần: *“Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật... Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật, thể chế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội”*.

Kết luận số 84-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo đó cần: *“Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân”*.

Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

Kết luận số 80-KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân, trong đó đã xác định yêu cầu: *“Kết hợp chặt chẽ công tác PBGDPL với nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; ý thức chấp hành pháp luật là thước đo hiệu quả của công tác PBGDPL. Bảo đảm tính đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả giữa PBGDPL với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật”*.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã khẳng định quan điểm: *“Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hóa kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”*; đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030: *“Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội”*.

Một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng được xác định tại Nghị quyết đó là: *“Tiếp tục đổi mới công tác PBGDPL. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật. Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật”*.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định quan điểm: *“Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”* và đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, PBGDPL, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát thanh, truyền hình quốc gia”*.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”*.

\Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”.

Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030*”.

Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030*”.

Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

Kế hoạch số 342-KH/TU ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cơ sở thực tiễn

Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 đã tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác PBGDPL, tạo chuyển biến căn bản, bền vững về hiệu quả hoạt động PBGDPL với việc huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác PBGDPL. Công tác PBGDPL mang diện mạo mới khởi sắc hơn, từng bước có chiều sâu, thực chất, hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền được thông tin pháp luật của người dân. Thông qua PBGDPL, người dân đã dân chủ động, tích cực trong việc tự học tập, tìm hiểu pháp luật, sử dụng pháp luật như công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật. Công tác PBGDPL đã góp phần quan trọng và sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh và tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PBGDPL còn những tồn tại, hạn chế sau:

(1) Công tác PBGDPL chưa được sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương; chưa xác định công tác này là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, cho đó là nhiệm vụ của ngành Tư pháp;

(2) Công tác phối hợp trong triển khai công tác PBGDPL tại nhiều cơ quan, đơn vị chưa được coi trọng; hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL còn mang tính hình thức. Một số thành viên của Hội đồng chưa phát huy được vai trò trong

chỉ đạo công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý, chưa phát huy được trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng phối hợp PBGDPL;

(3) Nội dung PBGDPL có lúc chưa sát với nhu cầu thực tiễn, còn dàn trải; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL còn chậm; hình thức PBGDPL chưa có nhiều đổi mới, chưa phong phú, đa dạng, chủ yếu tập trung truyền truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung các luật, chưa chú ý đi sâu vào các văn bản dưới luật, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành cho nên chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL chưa cao;

(4) Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tuy đông về số lượng, nhưng số lượng người tham gia thực hiện PBGDPL rất ít. Chất lượng, kỹ năng, phương pháp truyền đạt còn hạn chế, đặc biệt là tuyên truyền viên pháp luật;

(5) Cơ sở vật chất, kinh phí dành cho công tác PBGDPL còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình hiện nay, hầu hết các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chưa bố trí kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL; chưa khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội hóa cho công tác PBGDPL;

(6) Một số người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và thiếu ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Hiện nay, hội nhập quốc tế sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ, đa chiều đối với tất cả các quốc gia, dân tộc; tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước, của tỉnh. Trong bối cảnh đó, yêu cầu nâng cao ý thức pháp luật, chủ động nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp càng trở nên hết sức cần thiết; đồng thời nhằm phát huy vai trò người dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn của công tác PBGDPL, việc ban hành Đề án “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2024 - 2030*” là phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực tiễn của địa phương nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Sơn La.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

1. Những kết quả đã đạt được

1.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác PBGDPL

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PBGDPL, trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Sơn La đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, quán triệt, phổ biến, triển khai các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL trên địa bàn tỉnh; thực hiện lồng ghép có hiệu quả trong quá trình triển

khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, theo dõi công tác PBGDPL cũng được UBND tỉnh, các Sở, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện.

Qua đó đã kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập để có giải pháp khắc phục cũng như đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác PBGDPL.

1.2. Về tổ chức, hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp

Thực hiện Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, cấp xã cơ bản được kiện toàn đầy đủ theo quy định. Hội đồng PBGDPL hoạt động khá hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hiện nay Hội đồng tỉnh có 24 thành viên đảm bảo số lượng, thành phần theo quy định, do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng. Tại các xã đảm bảo cơ cấu, thành phần phù hợp theo quy định.

Về cơ chế hoạt động, Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo đúng quy định của Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh và thành viên Hội đồng còn hoạt động theo Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐPH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

1.3. Về nội dung, hình thức PBGDPL

Trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã chú trọng xây dựng Kế hoạch triển khai phổ biến các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định pháp luật mới ban hành; các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế; tuyên truyền về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

Hình thức PBGDPL đa dạng, phong phú, phù hợp với đối tượng và địa bàn như phổ biến pháp luật trực tiếp; tổ chức hội nghị trực tuyến; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, tờ gấp, áp-phích, tài liệu tuyên truyền pháp luật; đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan

trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

1.4 Nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL

Tính đến tháng 12 năm 2025, tỉnh Sơn La có 157 công chức tư pháp (*cấp tỉnh, xã*); 56 cán bộ làm công tác pháp chế (*sở, ngành*); 215 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 1.678 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã.

1.5. Kinh phí cho công tác PBGDPL

Để đảm bảo kinh phí cho công tác PBGDPL, HĐND tỉnh Sơn La đã ban hành theo thẩm quyền 03 văn bản quy phạm pháp luật quy định mức chi bảo đảm cho công tác PBGDPL (*Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019; Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 (thay thế Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND); Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2025 (thay thế Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND)*).

Theo đó, tại cấp tỉnh từ năm 2018 đến nay, mỗi năm UBND tỉnh đã giao kinh phí dành cho công tác PBGDPL trên 700.000.000 đồng cho Sở Tư pháp

- Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về công tác PBGDPL tại địa phương. Tại các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố (*tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025*); UBND cấp xã đã bố trí kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ PBGDPL trong tổng dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, một số ít đơn vị đã bố trí, phân bổ kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác PBGDPL chưa được thực sự quan tâm đúng mức ở một số cơ quan, tổ chức; chưa xác định công tác này là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, thậm chí có quan điểm cho đó là nhiệm vụ riêng của ngành Tư pháp.

- Công tác phối hợp trong triển khai công tác PBGDPL tại nhiều nơi chưa thực sự coi trọng. Thành viên Hội đồng PBGDPL các cấp hoạt động kiêm nhiệm, một số chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng phối hợp PBGDPL.

- Nội dung, hình thức truyền truyền, phổ biến pháp luật chậm đổi mới, chưa được phong phú, đa dạng, chủ yếu tập trung truyền truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung các luật, chưa chú ý đi sâu vào các văn bản dưới luật, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành cho nên chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL đạt được chưa cao.

- Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã tuy đông về số lượng, nhưng số lượng người tham gia thực hiện PBGDPL rất ít. Chất lượng, kỹ năng, phương pháp truyền đạt còn hạn chế, đặc biệt là tuyên truyền viên pháp luật.

- Hầu hết các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chưa bố trí kinh phí dành riêng cho công tác PBGDPL; chưa khuyến khích, huy động được nguồn lực xã hội hóa tham gia vào công tác PBGDPL.

- Một số người dân nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và thiếu ý thức nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

2.2. Nguyên nhân

- Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt đối với hoạt động PBGDPL.

- Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp hoạt động theo cơ chế phối hợp, các thành viên làm việc kiêm nhiệm nên không thể dành nhiều thời gian đầu tư cho công tác PBGDPL. Một số thành viên của Hội đồng phối hợp PBGDPL chưa thực sự xác định rõ trách nhiệm khi tham gia Hội đồng. Chất lượng tham mưu, tư vấn trong xác định nội dung, hình thức PBGDPL chưa cao.

- Đội ngũ công chức tham mưu quản lý nhà nước về công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật chưa được thường xuyên tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ.

- Điều kiện kinh tế của tỉnh Sơn La còn gặp khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của một số người dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

Quán triệt, triển khai kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ về đổi mới, tăng cường công tác PBGDPL, nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của Nhân dân.

Xác định nhiệm vụ PBGDPL nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của người dân là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao; gắn bó chặt chẽ công tác PBGDPL với tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân, công tác xây dựng, thi hành pháp luật và giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống.

Khuyến khích, tạo điều kiện và huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia; đề cao trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác PBGDPL.

Bảo đảm tính khả thi, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, phát triển, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, hướng về cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhu cầu xã hội, bám sát thực tiễn đất nước, của tỉnh.

2. Mục tiêu của Đề án

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL của các cấp, các ngành. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL đi vào thực chất, kịp

thời, có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo các nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí cho các hoạt động PBGDPL.

Đổi mới về nội dung, hình thức PBGDPL, trong đó tập trung xây dựng nội dung PBGDPL và lựa chọn hình thức PBGDPL bảo đảm phù hợp, đáp ứng nhu cầu cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, nhất là các nhóm đối tượng thuộc phạm vi của Đề án nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL.

Nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật, ý thức tự giác nghiên cứu, học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được tiếp cận pháp luật thuận lợi, phù hợp với điều kiện vùng cao, dân tộc thiểu số. Qua đó, tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng thói quen, văn hóa sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại tỉnh Sơn La.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến hết năm 2030, công tác PBGDPL phấn đấu đạt và duy trì các mục tiêu sau đây:

- 100% các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, PBGDPL các văn bản pháp luật mới thuộc phạm vi quản lý.

- 100% dự thảo các chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định được cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL tổ chức truyền thông từ khi lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản QPPL đến khi thông qua, ban hành văn bản QPPL.

- 100% các văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh mới ban hành được phổ biến rộng rãi đến các đối tượng chịu sự tác động, điều chỉnh của văn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang được trang bị kiến thức pháp luật theo lĩnh vực hoạt động chuyên ngành và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của mình.

- 100% các trường học triển khai chương trình PBGDPL cho học sinh, sinh viên thông qua các chương trình giáo dục chính khoá và hoạt động ngoại khoá về các lĩnh vực pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, tập trung PBGDPL về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tệ nạn xã hội, an ninh mạng, quyền trẻ em, nhằm giáo dục nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của học sinh, sinh viên.

- Trên 80% người đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam và Nhà tạm giữ tại cơ quan Công an; người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; người bị phạt tù được hưởng án treo; người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người được đặc xá, tha tù về cư

trú, sinh sống tại địa phương; các đối tượng người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người đã chấp hành xong án phạt tù đang tại ngoại; người phải thi hành án dân sự được phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, pháp luật về hình sự, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính, công tác tái hoà nhập cộng đồng.

- Ít nhất 70% người dân được tiếp cận, tìm hiểu pháp luật thông qua các cơ sở dữ liệu (như Cổng Pháp luật quốc gia, Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia,...) ứng dụng số, công nghệ số; 100% cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân tham mưu thực hiện công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn kiến thức và kỹ năng chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, trong đó ít nhất 90% hoạt động tập huấn được thực hiện bằng hình thức trực tuyến. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng, khai thác các tiện ích, nền tảng, ứng dụng số PBGDPL tham gia đánh giá đạt 90%.

- Trên 80% Nhân dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, PBGDPL thông qua các hình thức phù hợp.

- 100% báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL, đội ngũ giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, giảng viên dạy môn pháp luật được rà soát, củng cố, kiện toàn, cung cấp tài liệu, tập huấn, cập nhật thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công tác PBGDPL theo yêu cầu nhiệm vụ hằng năm.

3. Phạm vi, đối tượng của Đề án

3.1. Phạm vi

Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030 trên phạm vi toàn tỉnh.

3.2. Đối tượng

Đối tượng thụ hưởng của Đề án là toàn thể cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Trọng tâm là 04 nhóm đối tượng:

- (1) Người chưa thành niên và học sinh, sinh viên;
- (2) Cán bộ, công chức, viên chức;
- (3) Người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới;
- (4) Người đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam và Nhà tạm giữ tại cơ quan Công an; người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện; người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; người bị phạt tù được hưởng án treo; người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm đi khỏi nơi cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ,

cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người được đặc xá, tha tù về cư trú, sinh sống tại địa phương; các đối tượng người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người đã chấp hành xong án phạt tù đang tại ngoại; người phải thi hành án dân sự.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, tổng kết 10 năm thi hành Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 và xuất phát từ tình hình thực tiễn của địa phương, đề nâng cao chất lượng công tác PBGDPL, hoàn thành các mục tiêu đặt ra trong giai đoạn 2026 - 2030, cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL. Đồng thời, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của pháp luật và mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao hiểu biết pháp luật để thực hiện, bảo vệ các quyền theo đúng pháp luật

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả công tác PBGDPL.

Đưa công tác PBGDPL vào nội dung chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, khuyến khích xem xét kết quả thực hiện công tác PBGDPL như một tiêu chí tham khảo trong đánh giá, khen thưởng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Xây dựng môi trường tuân thủ pháp luật, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện tuyên truyền, PBGDPL đến Nhân dân.

1.2. Đổi mới nội dung, cách thức phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, công tác PBGDPL cấp xã

Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh trong định hướng, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra công tác PBGDPL.

Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng theo hướng thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Hội đồng.

Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, liên thông giữa Hội đồng tỉnh với UBND cấp xã trong chỉ đạo, triển khai công tác PBGDPL.

1.3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL

Xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với công tác PBGDPL.

Nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng truyền đạt, kỹ năng truyền thông, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khả năng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội cho đội ngũ làm công tác PBGDPL.

1.4. Đổi mới mạnh mẽ công tác PBGDPL, trọng tâm là đổi mới nội dung, cách thức triển khai công tác PBGDPL theo hướng lấy người dân làm trung tâm, xuất phát từ nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số

Đổi mới, đa dạng hóa nội dung PBGDPL theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, từng lĩnh vực pháp luật.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, mạng xã hội, tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số trong công tác PBGDPL.

Khuyến khích sáng kiến, mô hình PBGDPL mới, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

1.5. Đảm bảo kinh phí cho công tác PBGDPL, trong đó, ưu tiên nguồn lực cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm triển khai công tác PBGDPL cho 03 nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án

Bảo đảm đầy đủ, kịp thời cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PBGDPL. Bố trí, phân bổ và sử dụng hiệu quả kinh phí cho hoạt động PBGDPL, nhất là đối với các nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án.

Khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội hóa, sự tham gia, hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong triển khai hoạt động PBGDPL.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Giải pháp về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong thực hiện công tác PBGDPL

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, cơ quan quản lý nhà nước trong công tác PBGDPL; xác định công tác này là nhiệm vụ xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, xây dựng chính quyền; là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL và tổ chức thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung triển khai các hoạt động PBGDPL theo cơ chế phối hợp liên ngành, đảm bảo sự tham gia và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về

PBGDPL và các cơ quan có nội dung PBGDPL thuộc phạm vi quản lý; tăng cường sự phối hợp và chia sẻ trách nhiệm triển khai công tác PBGDPL.

- Tổ chức các hoạt động biểu dương, nêu gương người tốt, việc tốt trong chấp hành pháp luật thông qua tổ chức các diễn đàn, cuộc thi, động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân gương mẫu, điển hình trong tuân thủ, thực hiện pháp luật. Nhân rộng các sáng kiến về hình thức, mô hình, cách làm mới về PBGDPL hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và nhu cầu của người dân.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai công tác PBGDPL.

2.2. Giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp của Hội đồng theo hướng phân công rõ trách nhiệm và nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, nhất là các thành viên của các Sở, ngành có trách nhiệm chính về PBGDPL cho nhóm đối tượng của Đề án để chỉ đạo, định hướng, triển khai các nhiệm vụ PBGDPL thuộc phạm vi quản lý được hiệu quả, sát thực tế.

- Cơ quan Thường trực Hội đồng phát huy vai trò và tập trung vào các nhiệm vụ hướng dẫn, điều phối, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng, nhất là các nhiệm vụ chủ trì mang tính liên ngành, liên lĩnh vực, lĩnh vực pháp luật thiết yếu đối với người dân và nhóm đối tượng của Đề án (*ưu tiên lĩnh vực pháp luật trọng tâm theo dõi thi hành pháp luật hàng năm*) để đưa vào Kế hoạch hoạt động của Hội đồng; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả về PBGDPL theo từng nhóm đối tượng cụ thể, theo từng lĩnh vực pháp luật thiết yếu.

- Đổi mới cơ chế hoạt động của Hội đồng theo hướng đa chiều, phối hợp theo chiều rộng (*giữa các thành viên của Hội đồng*) và phối hợp theo chiều dọc (*giữa Hội đồng tỉnh và UBND cấp xã*) trong hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì.

2.3. Giải pháp về nguồn lực đảm bảo cho công tác PBGDPL

a) Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL

Rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trong quá trình triển khai nhiệm vụ PBGDPL; thực hiện kiện toàn đội ngũ này theo hướng tinh gọn, chỉ công nhận, duy trì hoạt động đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực sự có năng lực, tham gia thường xuyên và trách nhiệm.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác PBGDPL theo hướng chuyên sâu, chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng đặc thù, yếu thế. Trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ này để thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức PBGDPL.

b) Kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL

Bảo đảm kinh phí phân bổ hằng năm cho hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, phục vụ công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và tổ chức các hoạt động chung về PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

Bố trí kinh phí cho Sở Tư pháp - Cơ quan quản lý nhà nước về công tác PBGDPL để thực hiện nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn, kiểm tra; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL, bồi dưỡng nghiệp vụ, biên soạn và phát hành tài liệu phục vụ công tác PBGDPL.

Cân đối bố trí kinh phí cho các Sở, ngành và UBND cấp xã trong việc triển khai các hoạt động PBGDPL thuộc phạm vi quản lý. Ưu tiên hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động PBGDPL trực tiếp cho nhóm đối tượng trọng tâm của các Đề án.

2.4. Giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Xây dựng, phát triển, tăng cường sử dụng nền tảng ứng dụng số hỗ trợ công tác quản lý và triển khai công tác PBGDPL với các tính năng chính, bao gồm: khảo sát trực tuyến, báo cáo, thống kê công tác PBGDPL; quản lý hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật...

- Xây dựng, phát hành tài liệu PBGDPL theo phương thức hiện đại (*sổ tay điện tử, tờ gấp điện tử, tài liệu PBGDPL bằng hình ảnh, video, file âm thanh...*) phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Nâng cấp, phát triển Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Sơn La, tích hợp các tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số (*khảo sát trực tuyến, tra cứu thông tin pháp luật...*) giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm, truy cập, sử dụng tài liệu pháp luật một cách nhanh chóng, thuận tiện.

- Triển khai thông tin, PBGDPL trên ứng dụng mạng xã hội (*facebook, zalo...*), nâng cao khả năng tiếp cận, tương tác với người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai thông tin, PBGDPL trên ứng dụng VNeID và các nền tảng số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; mở rộng kênh tiếp cận thông tin pháp luật.

- Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác PBGDPL.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm thực hiện Đề án

1.1. Đơn vị chủ trì thực hiện Đề án

Giao Sở Tư pháp là đơn vị chủ trì thực hiện Đề án và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hàng năm, tham mưu với UBND tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể và hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án đảm bảo chất lượng, tiến độ và đạt các mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành liên quan, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; cán bộ, công chức tham gia PBGDPL ở cấp tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động PBGDPL theo nội dung, giải pháp thực hiện Đề án; Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt và bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm.

- Tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, sơ kết hàng năm và tổng kết thực hiện Đề án; tổng hợp đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác PBGDPL.

1.2. Đơn vị phối hợp thực hiện Đề án

a) Các sở, ban, ngành

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm, đề xuất kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện.

- Bố trí cán bộ phụ trách công tác PBGDPL; lựa chọn, cử công chức có năng lực, chuyên môn tham gia làm báo cáo viên pháp luật và tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước, tích cực vận động Nhân dân tự giác tìm hiểu pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của tổ chức mình; vận động, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia và hỗ trợ hoạt động PBGDPL; đẩy mạnh giám sát các hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

c) Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, xác định nội dung trọng tâm, thời điểm cao điểm, hình thức tuyên truyền phù hợp; chỉ đạo việc tuyên truyền gắn với công tác dân vận, vận động Nhân dân tham gia tìm hiểu, chấp hành pháp luật; phối hợp giới thiệu, nhân rộng gương điển hình, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác PBGDPL;

- Chỉ đạo Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La tăng cường mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về PBGDPL; trong đó ưu tiên những nội dung quan trọng, lựa chọn thời lượng và thời điểm phát sóng/đăng tải vào khung giờ phù hợp để thu hút đông đảo người xem.

d) Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn việc PBGDPL cho cán bộ và Nhân dân thông qua các hoạt động điều tra, truy tố xét xử; quan tâm tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kiểm sát viên, thẩm phán về phương pháp, kỹ năng PBGDPL.

đ) UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động PBGDPL dưới các hình thức, biện pháp phù hợp; trong đó ưu tiên tập trung vào những vấn đề nóng được xã hội quan tâm, các đối tượng trọng tâm của Đề án trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tại địa phương, bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL và đảm bảo các mức chi theo Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác PBGDPL và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án; khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác PBGDPL.

2. Tiến độ thực hiện Đề án

Đề án được thực hiện trong 05 năm, từ năm 2026 đến năm 2030 và chia làm 02 giai đoạn, cụ thể như sau:

2.1. Giai đoạn 1: Năm 2026 - 2028

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, triển khai thực hiện Đề án.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện PBGDPL.

- Tổ chức điều tra, khảo sát về nhận thức pháp luật và nhu cầu tìm hiểu pháp luật phục vụ cho việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

- Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị, các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác PBGDPL.

- Sơ kết giai đoạn 1 thực hiện Đề án.

2.2. Giai đoạn 2: Năm 2029 - 2030

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đã được HĐND tỉnh ban hành; đánh giá hiệu quả thực tế và tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia công tác PBGDPL.

- Hoàn thiện và áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL tại các Sở, ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; tích hợp, khai thác hiệu quả các nền tảng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng truyền thông số, mạng xã hội.

- Tổng kết, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp cho việc thực hiện Đề án.

3. Kinh phí thực hiện Đề án

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án: khoảng 9,48 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp hiện hành; nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án có liên quan đã được phê duyệt để thực hiện Đề án.

4. Dự kiến hiệu quả của Đề án

4.1. Đối với công tác quản lý nhà nước về PBGDPL

Việc triển khai thực hiện Đề án góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PBGDPL; vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, năng lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ thực hiện công tác PBGDPL.

Việc đổi mới nội dung theo hướng đa dạng, chủ động, phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời nắm bắt và đáp ứng các vấn đề nóng, được dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội, thông tin, đẩy mạnh truyền thông về chính sách trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Đề án góp phần quan trọng trong việc tăng cường sự gắn kết giữa PBGDPL với công tác xây dựng, thi hành pháp luật.

Việc đổi mới, đa dạng các hình thức PBGDPL, nhất là việc đổi mới các hình thức PBGDPL mới, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, Đề án góp phần đưa hoạt động PBGDPL trở nên sinh động, mới mẻ, sáng tạo, hấp dẫn, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhiều đối tượng.

Ngoài ra, việc Đề án hướng tới từng nhóm đối tượng cụ thể, với những tiêu chí đánh giá thực tiễn đầu vào và kết quả đầu ra của hoạt động PBGDPL là cách làm hay, giúp tập trung nguồn lực, nắm bắt nhu cầu từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách phổ biến pháp luật được dễ dàng hơn. Đồng thời, giúp thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo phương thức làm việc mới trong công tác PBGDPL theo tiêu chí nhanh chóng, phù hợp, tiết kiệm và chi phí thấp nhất.

4.2. Đối với xã hội và người dân

Việc hoàn thành các mục tiêu đề ra, Đề án sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật, hình thành thói quen chủ động học tập, nâng

cao ý thức tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng; giảm bớt tình trạng khiếu nại, tố cáo, nâng cao trách nhiệm cho cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; giúp giảm đáng kể tình hình vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật trong cộng đồng. Góp phần quan trọng giúp các địa phương hoàn thành tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới./.

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

“NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Nhiệm vụ/Mô tả công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, các cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của pháp luật	Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Các hoạt động PBGDPL được triển khai; Thông báo/báo cáo kết quả kiểm tra công tác PBGDPL được ban hành
1.1	Triển khai các hoạt động PBGDPL theo cơ chế phối hợp liên ngành, Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai công tác PBGDPL.				
2	Đổi mới nội dung, cách thức phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp	Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh		Theo Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Quy chế hoạt động được ban hành
2.1	Rà soát, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh		Các sở, ban, ngành		
2.2	Rà soát sửa đổi Quyết định kiện toàn Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành có liên quan	Hàng năm	Quyết định kiện toàn được ban hành

STT	Nhiệm vụ/Mô tả công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
2.3	Rà soát, kiến toàn thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	Quyết định kiến toàn được ban hành
2.4	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các Hội nghị triển khai văn bản pháp luật	Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	Hội nghị được tổ chức
2.5	Hợp sơ kết, tổng kết và đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Các sở, ban, ngành	06 tháng, năm/năm và đột xuất theo yêu cầu	Cuộc họp được tổ chức
2.6	Kiểm tra công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh	Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm	Thông báo kết luận ban hành
3	Tăng cường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL				
3.1	Rà soát, kiến toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Quyết định kiến toàn được ban hành
3.2	Tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng PBGDPL và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm	Hội nghị được tổ chức
4	Đổi mới mạnh mẽ công tác PBGDPL, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số				
4.1	Truyền thông các dự thảo VBQPPL, chính sách có tác động lớn trong xã hội	Sở Tư pháp	Báo và Phát thanh, truyền Sơn La; các cơ quan chủ trì soạn thảo	Hàng năm	Chuyên mục được phát sóng

STT	Nhiệm vụ/Mô tả công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
4.2	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật trực tiếp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Hội nghị được tổ chức
4.3	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật bằng hình thức trực tuyến, sân khấu hóa	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Cuộc thi được tổ chức
4.4	Tổ chức tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh; thông qua trưng trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân...	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Thông tin được phổ biến, tuyên truyền
4.5	Xây dựng, phát hành tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật theo phương thức hiện đại (sổ tay điện tử, tờ gấp điện tử, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật bằng hình ảnh, video, file âm thanh...)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Tài liệu được cấp phát, sử dụng
4.6	Nâng cấp, phát triển Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Sơn La, tích hợp các tính năng tiện ích ứng dụng công nghệ số	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026	Trang thông tin được nâng cấp
4.7	Triển khai thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật trên ứng dụng VNeID và các nền tảng số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Công an tỉnh	Sở Tư pháp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Thông tin được phổ biến
5	Tăng cường kinh phí thực hiện các hoạt động PBGDPL, trong đó ưu tiên nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án				
5.1	Đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Kinh phí được đảm bảo

STT	Nhiệm vụ/Mô tả công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
5.2	Xây dựng dự toán, bố trí, phân bổ kinh phí cho công tác PBGDPL theo phân cấp ngân sách	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Kinh phí cho công tác PBGDPL được cấp
5.3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động PBGDPL trực tiếp cho nhóm đối tượng trọng tâm của Đề án.	Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Kinh phí công tác PBGDPL cho các nhóm đối tượng trọng tâm được cấp

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com